TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2021
"V/v chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trực và bà Trần Thị Thanh Xuân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (60 NH, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020; về việc: "Chia tài sản chung sau ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Thị T, sinh năm 1970. Nơi ĐKNKTT: Tổ 6 khu vực 2, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Số 242 ĐBP, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1975. Nơi ĐKNKTT: Tổ 6 khu vực 2, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - vắng mặt.

3.Người làm chứng: Anh Nguyễn Công H, sinh năm 2001. Nơi ĐKNKTT: Tổ 6 khu vực 2, phường TA, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố H, nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Công B đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/1999, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Nên từ năm 2017, bà và ông B đã sống ly thân, sau đó, bà đã nộp đơn xin ly hôn ông B và đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 337/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2018. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn, về tài sản chung bà và ông B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung của bà và ông B trong thời kỳ hôn nhân gồm nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 61m^2 thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại 20/5 BQ phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là số 09/17 BQ BQ, phường PĐ và có giá trị ước tính khoảng 700.000.000đồng. Nguồn gốc nhà và đất này là do bà và ông B cùng nhận chuyển nhượng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 396486 vào ngày 18/9/2017 đứng tên bà và ông B. Do vợ chồng không thể chung sống cùng nhau nên bà T dọn ra ngoài thuê trọ ở riêng, còn ông B thì vẫn sống cùng cháu Nguyễn Công H tại căn nhà của vợ chồng, hai bên vẫn không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung. Nên bà yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của bà và ông B là nhà và quyền sử dụng đất nói trên, nếu ông B nhận nhà và đất thì phải thanh toán cho bà ½ giá trị nhà và đất, ngược lại nếu bà được nhận nhà và đất thì bà sẽ thanh toán ½ giá trị nhà và đất cho ông B.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Công B, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc, ông B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04/12/2020, anh Nguyễn Công H (con chung của bà T và ông B) trình bày:

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của ông B và bà T, thì anh H và em gái là Nguyễn Thạch Bích H được giao cho mẹ anh là bà Thạch Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Sau khi ba mẹ anh ly hôn, hai anh em và mẹ sống tạm tại nhà trọ do bà T thuê để ở. Vì điều kiện sinh hoạt không đủ cho cả ba mẹ con nên khoảng 02 năm nay anh trở về sống cùng ông B ở căn nhà tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ khi Tòa án thụ lý hồ sơ vụ án về việc "Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn" giữa ba mẹ anh, thì ba anh đều không đồng ý đến Tòa án làm việc. Nhiều lần cán bộ Tòa án đã đến trực tiếp để tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, do ba anh không có ở nhà nên anh là người trực tiếp nhận và sau đó đã giao cho ba anh, nhưng ba anh nói sẽ không đến Tòa án làm việc và cũng không quan tâm việc mẹ anh khởi kiện tại Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, anh không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, bà T xin được nhận nhà đất nói trên để bà và hai con cùng sinh sống, vì từ sau khi ly hôn bà cùng các con đi thuê trọ để ở, nhà trọ có diện tích nhỏ hẹp không đảm bảo sức khỏe cho mẹ con bà. Nên bà sẽ cố gắng vay mượn tiền để thanh toán cho ông B ½ giá trị tài sản nêu trên.

Anh Nguyễn Công H trình bày: Anh xác nhận quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp chia tài sản chung của ba mẹ anh, Tòa án đã nhiều lần đến giao các văn bản tố tụng để triệu tập ba anh (ông B) đến làm việc, anh đều giao tận tay ba anh, nhưng ba anh nói Tòa án giải quyết thế nào thì tùy, ông sẽ không đến. Về việc mẹ anh yêu cầu được nhận nhà đất thì anh hoàn toàn đồng ý, bởi vì kể từ ngày ba mẹ anh ly hôn, do mẹ anh thuê trọ phòng nhỏ hẹp quá, anh phải về ở cùng ba tại nhà đất của ba mẹ. Tuy nhiên, hàng ngày mẹ anh vẫn lo cho anh ăn uống và

chu cấp cho anh chi phí sinh hoạt. Nên anh cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho mẹ con anh có cuộc sống ổn định cùng nhau.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có ý kiến.

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 146, Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219 của Bộ luật dân sự; điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; để giải quyết vụ án theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị T.

Giao cho bà Thạch Thị T được quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m^2 đứng tên bà Thạch Thị T và ông Nguyễn Công B);

- Bà Thạch Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Công B 50% giá trị ngôi nhà và quyền sử dụng đất nói trên tương đương với số tiền 490.614.250 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

- Bà Thạch Thị T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m^2 hiện đang đứng tên bà Thạch Thị T và ông Nguyễn Công B) theo quy định pháp luật.

[4]. Ông B được lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5].Về án phí buộc các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn là ông Nguyễn Công B đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà và Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên toà hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông B vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Thạch Thị T nguyên đơn tranh chấp với ông Nguyễn Công B bị đơn yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn là nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m^2), Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình là đúng với thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung tranh chấp: Tài sản tranh chấp sau ly hôn là ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m^2, bà Thạch Thị T và ông Nguyễn Công B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 396486 vào ngày 18/9/2017. Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 854.000.000 đồng. Nhà trên đất có diện tích sàn xây dựng 57,7m^2 có giá trị tổng cộng 127.228.500 đồng theo biên bản định giá ngày 04/12/2020 của Hội đồng định giá.

Tại phiên tòa, bà T thống nhất giá trị nhà là 127.228.500 đồng và giá trị quyền sử dụng đất là 854.000.000đồng, tổng giá trị nhà đất nói trên là 981.228.500 đồng được Hội đồng định giá ngày 04/12/2020 và không có ý kiến gì về tiền chi phí định giá tài sản và bà tự nguyện chịu toàn bộ.

Xét thấy, ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 396486 nagỳ 18/9/2017 cho hai ông bà Nguyễn Công B và Thạch Thị T. Do đó có cơ sở để xác định căn nhà và quyền sử dụng đất nói trên là tài sản chung của ông B và bà T.

Từ sau khi ly hôn đến nay, ông Nguyễn Công B đang sinh sống, quản lý, sử dụng căn nhà và quyền sử dụng đất nói trên, bà Thạch Thị T đã đi thuê phòng trọ ở cùng các con. Nhưng do điều kiện công việc và thu nhập khó khăn nên bà T chỉ thuê phòng trọ có diện tích khoảng 15 m^2, nên anh Nguyễn Công H phải về sống cùng ông B tại nhà đất của vợ chồng trước đây. Tại phiên tòa hôm nay, bà T và anh H đều có nguyện vọng xin được nhận nhà và đất nói trên để ba mẹ con cùng ở, bà T sẽ vay mượn tiền để thanh toán cho ông B ½ giá trị tài sản đang tranh chấp. Bà cũng thống nhất giá trị nhà đất mà Hội đồng định giá tài sản ngày 04/12/2020 đác xác định và bà cũng thống nhất chịu toàn bộ tiền chi phí định giá tài sản. Hội đồng xét thấy, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông B vẫn cố tình không đến, ông đã tự bỏ nguyện vọng của mình đối với tài sản đang tranh chấp tại Tòa án. Vì vậy, việc giao căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho bà T quản lý, sử dụng và bà T phải thanh toán cho ông B ½ giá trị căn nhà và quyền sử dụng đất nói trên có cơ sở phù hợp với nguyện vọng cấp thiết của bà T và các con.

[3]. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Thạch Thị T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sở

hữu ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m^2 hiện đang đứng tên bà Thạch Thị T và ông Nguyễn Công B) theo quy định pháp luật.

[4]. Để tạo điều kiện cho ông B tìm nơi ở mới, nên cần xem xét cho ông B được lưu cư tại nhà đất này trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5].Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà T phải chịu tiền án phí trên tổng số tài sản bà được hưởng tương đương với số tiền là (490.614.250 đồng x 5%) = 24.530.713 đồng.

+ Ông B phải chịu tiền án phí trên tổng số tài sản ông được hưởng tương đương với số tiền (490.614.250 đồng x 5%) = 24.530.713 đồng.

[6].Về chi phí định giá tài sản và bản vẽ là 3.660.000 đồng: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ, bà T đã nộp đủ số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 146, Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219 của Bộ luật dân sự; điểm b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1].Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị T.

- Giao cho bà Thạch Thị T được quyền sở hữu ngôi nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m^2, bà Thạch Thị T và ông Nguyễn Công B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 396486 vào ngày 18/9/2017.

- Bà Thạch Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Công B 50% giá trị ngôi nhà và quyền sử dụng đất nói trên tương đương với số tiền 490.614.250 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu, sáu trăm mười bốn nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

[2]. Bà Thạch Thị T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất thuộc thửa đất số 114, tờ bản đồ số 22, diện tích 61m^2 tọa lạc tại số 09/17 BQ, phường PĐ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định pháp luật.

[3]. Ông B được lưu cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4].Về án phí chia tài sản chung sau ly hôn:

- Bà Thạch Thị T phải chịu 24.530.713 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại

biên lai thu số AA/2016/000033 ngày 30/6/2020. Bà T còn phải nộp thêm số tiền là 15.780.713 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, bảy trăm mười ba đồng).

- Ông Nguyễn Công B phải chịu 24.530.713 đồng (Hai mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi nghìn, bảy trăm mười ba đồng).

[5].Về chi phí định giá tài sản và bản vẽ: Là 3.660.000 đồng (Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), bà Thạch Thị T tự nguyện chịu toàn bộ, bà T đã nộp đủ.

[6]. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà T chưa thanh toán tiền thì hàng tháng bà T còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7].Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự;
-TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Lưu:

Lê Thị Phương Dung